

Số: 11/2026/QĐST-HNGĐ

TQ, ngày 22 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TQ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu:

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1971.

- Ông **Trần Văn Sơn**, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ tại: Số nhà 13, đường H, tổ 5, phường HG1, tỉnh TQ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn S là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường N, thị xã H, tỉnh H (nay là phường H, tỉnh TQ) cấp ngày 12/3/2002.

[2] Theo đơn yêu cầu ngày 15/12/2025 và tại Tòa án, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn S giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng đối với cháu Trần Nguyễn Trí D, sinh ngày 19/10/2008, tại đơn trình bày nguyện vọng của con chung ngày 24/12/2025 cháu D cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ là Nguyễn Thị L. Cháu Trần Thu H, sinh ngày 06/10/2002 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung; Thỏa thuận về lệ phí Tòa án.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành, các đương sự giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn S thực sự tự nguyện ly hôn, tự nguyện thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng, thống nhất không yêu cầu Tòa

án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cháu Trần Nguyễn Trí D, sinh ngày 19/10/2008 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, ông Sơn và bà Liễu có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. **Về lệ phí:** Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí bà L đã nộp theo biên lai số 0000034 ngày 07/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh TQ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- THADS tỉnh;
- TAND tỉnh;
- UBND phường HG1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phúc